Xy lanh trượt mini
EGSC-BS-KF-25-50-2P

Số bộ phận: 8162070

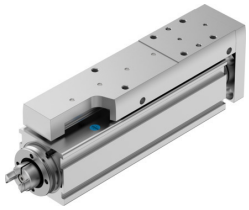

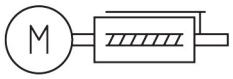

Bảng dữ liệu

Đặc tính	Giá trị
Hành trình làm việc	50 mm
Kích thước	25
Dự trữ hành trình	0 mm
Khe đảo ngược	150 µm
đường kính trục chính	6 mm
Tăng trục chính	2 mm/vòng
Vị trí lắp đặt	bất kì
Dẫn hướng	Thanh dẫn hướng cầu tuần hoàn
Cấu trúc xây dựng	Thanh trượt điện mini với trục vít bi
Loại động cơ	Động cơ bước Động cơ servo
Tham khảo	Khối cữ chặn cố định tích cực Khối cữ chặn cố định tiêu cực Công tắc tham chiếu
Loại trục chính	Trục vít bi
Phát hiện vị trí	cho các công tắc gần
Tăng tốc tối đa	5 m/s²
Số vòng quay tối đa	4000 1/phút
Tốc độ tối đa	0.133 m/s
Độ chính xác lặp lại	±0,015 mm
Thời gian bật	100%
Lớp chống ăn mòn KBK	0 - không ứng suất ăn mòn
Tuân thủ LABS	VDMA24364 Vùng III
Tính phù hợp để sản xuất pin Li-ion	Sản phẩm tương ứng với định nghĩa sản phẩm nội bộ của Festo để sử dụng trong sản xuất pin:Các kim loại có hơn 1% trọng lượng là đồng, kẽm hoặc niken không được sử dụng.Các trường hợp ngoại lệ là niken trong thép, bề mặt mạ niken hóa học, bo mạch, cáp, bộ kết nối và cuộn dây.
Loại phòng sạch	Loại 9 theo ISO 14644-1
Mức áp suất âm thanh	45 dB(A)
Mức độ bảo vệ	IP40
Nhiệt độ môi trường xung quanh	0 °C...50 °C
Năng lượng va chạm ở các vị trí cuối	0 mJ

Đặc tính	Giá trị
Lưu ý về năng lượng va chạm ở vị trí cuối	Ở tốc độ di chuyển tham chiếu tối đa là 0,01 m/s
Hệ số tải động ổ trục cố định	2810 N
Hệ số tải động dẫn hướng tuyến tính	1310 N
Vít bi đánh giá tải động	1900 N
Không tải mô-men xoắn ở tốc độ quy trình tối đa	0.015 N m
Mô men xoắn chạy không tải ở tốc độ quy trình tối thiểu	0.005 N m
Lực tối đa Fy	669 N
Lực tối đa Fz	669 N
Fy với tuổi thọ lý thuyết là 100 km (xem xét hướng dẫn thuần túy)	1310 N
Fz với tuổi thọ lý thuyết là 100 km (xem xét hướng dẫn thuần túy)	1310 N
Thời điểm tối đa Mx	2 N m
Max. Moment My	2.1 N m
Mô-men tối đa Mz	2.1 N m
Mx với tuổi thọ lý thuyết là 100 km (xem xét hướng dẫn thuần túy)	5 N m
Của tôi với tuổi thọ lý thuyết là 100 km (xem xét hướng dẫn thuần túy)	4 N m
Mz với tuổi thọ lý thuyết là 100 km (xem xét hướng dẫn thuần túy)	4 N m
Lực hướng tâm tối đa trên trục truyền động	30 N
Lực nạp tối đa Fx	20 N
Trị số chuẩn tải trọng có ích, ngang	2 kg
Giá trị tham chiếu tải trọng, theo chiều dọc	2 kg
Vít bi đánh giá tải tĩnh	2800 N
Hệ số tải tĩnh dẫn hướng tuyến tính	2440 N
Mô-men quán tính khối lượng JH trên mỗi mét hành trình	0.00529 kgcm²
Mômen quán tính khối lượng JL trên kg trọng tải	0.00101 kgcm²
Mô men quán tính khối lượng JO	0.00087 kgcm²
Nạp liệu không đổi	2 mm/vòng
Hệ số tải tĩnh ổ trục cố định	1340 N
Tuổi thọ tham khảo	5000 km
Khoảng thời gian bảo trì	bôi trơn suốt đời
Khối lượng di chuyển ở hành trình 0 mm	83 g
Khối lượng di chuyển bổ sung trên mỗi hành trình 10 mm	9 g
trọng lượng sản phẩm	269 g
Trọng lượng cơ bản ở hành trình 0 mm	176 g
Trọng lượng bổ sung cho mỗi hành trình 10 mm	19 g
Kiểu gắn	với ren trong với vòng măng xông với phụ kiện có chốt thẳng
Bộ truyền động mã giao diện	V20
Ghi chú vật liệu	Tuân thủ RoHS
Vật liệu thanh dẫn hướng ổ trượt	Thép ổ lăn
Vật liệu ray dẫn hướng	Thép ổ lăn
Vật liệu vỏ	Hợp kim nhôm rèn, anốt hóa
Vật liệu đầu chạc	Hợp kim nhôm rèn, anốt hóa
Vật liệu thanh piston	thép không gỉ hợp kim cao
Vật liệu các ổ trượt	Hợp kim nhôm rèn, anốt hóa
Vật liệu đai ốc trục chính	Thép ổ lăn
Trục chính vật liệu	Thép ổ lăn